

Đơn vị: VĂN PHÒNG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chương: 426

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÍ 1 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2024	Thực hiện dự toán quý 1 năm 2024	Thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1 năm 2024 /so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3			
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	19.588.000.000	1.937.556.000	9,89%	108,47%
1	Lệ phí	14.946.000.000	1.480.916.000	9,91%	86,97%
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	14.906.000.000	1.480.916.000	9,94%	86,97%
	Lệ phí cấp giấy hoạt động khoáng sản	40.000.000			
2	Phí	4.642.000.000	456.640.000	9,84%	547,07%
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	598.000.000			
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	110.000.000	6.000.000	5,45%	150,00%
	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất	37.680.000	5.950.000	15,79%	23,29%
	Phí thẩm định đề án khai thác sử dụng nước mặt	20.000.000			
	Phí thẩm định đề án xả thải vào nguồn nước công trình thủy lợi	255.600.000			
	Phí thẩm định hồ sơ điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	20.000.000			
	Phí thẩm định cấp phép hoạt động Đo đạc bản đồ	464.112.000	69.790.000	15,04%	129,43%
	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	40.000.000			
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	50.000.000			
	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	3.046.608.000	374.900.000	12,31%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	19.588.000.000	1.937.556.000	9,89%	108,47%
1	Lệ phí	14.946.000.000	1.480.916.000	9,91%	86,97%
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	14.906.000.000	1.480.916.000	9,94%	86,97%
	Lệ phí cấp giấy hoạt động khoáng sản	40.000.000	-		
2	Phí	4.642.000.000	456.640.000	9,84%	547,07%
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết	598.000.000	-		
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	110.000.000	6.000.000	5,45%	150,00%
	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất	37.680.000	5.950.000	15,79%	23,29%
	Phí thẩm định đề án khai thác sử dụng nước mặt	20.000.000	-		
	Phí thẩm định đề án xả thải vào nguồn nước công trình thủy lợi	255.600.000	-		
	Phí thẩm định hồ sơ điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	20.000.000	-		
	Phí thẩm định cấp phép hoạt động Đo đạc bản đồ	464.112.000	69.790.000	15,04%	129,43%
	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	40.000.000	-		
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	50.000.000	-		
	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	3.046.608.000	374.900.000	12,31%	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2024	Thực hiện dự toán quý 1 năm 2024	Thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1 năm 2024 /so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.754.778.000.000	373.770.438.692	21,30%	174,28%
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.754.778.000.000	373.770.438.692	21,30%	174,28%
1	Chi quản lý hành chính	69.454.000.000	8.901.382.922	12,82%	118,96%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	39.518.000.000	8.694.010.502	22,00%	116,19%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	29.936.000.000	207.372.420	0,69%	
6	Chi hoạt động kinh tế	87.226.000.000	-		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	87.226.000.000			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.598.098.000.000	364.869.055.770	22,83%	176,28%
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.598.098.000.000	364.869.055.770	22,83%	176,28%
	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.961.000.000			
	Chi dịch vụ vệ sinh môi trường	1.591.137.000.000	364.869.055.770	22,93%	176,28%

Ngày 8 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Toàn Cường

THUYẾT MINH CÔNG KHAI
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN ĐẾN HẾT QUÍ I NĂM 2024

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (đơn vị sử dụng ngân sách) công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý 1 năm 2024 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí, lệ phí:

1. Dự toán thu phí, lệ phí của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường được giao thực hiện năm 2024 là 19.588.000.000 đồng; trong đó:

+ Lệ phí là 14.946.000.000 đồng.

+ Phí là 4.642.000.000 đồng.

2. Luỹ kế thực hiện đến hết quý 1 năm 2024:

+ Số thu phí, lệ phí Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện là 1.937.556.000 đồng đạt 9,89% so với dự toán thu phí, lệ phí được giao năm 2024.

Trong đó:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thu được là 1.480.916.000 đồng, đạt 9,91% so dự toán giao.

- Phí thu là 456.640.000 đồng, đạt 9,84% so dự toán giao gồm: phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 6.000.000 đồng; phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất 5.950.000 đồng; phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ 69.790.000 đồng; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường 374.900.000 đồng.

- Số thu phí, lệ phí nêu trên Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường nộp toàn bộ vào NSNN.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN được giao năm 2024: 1.754.778.000.000 đồng, bao gồm:

- + Chi quản lý hành chính: 69.454.000.000 đồng.
- + Chi hoạt động kinh tế: 87.226.000.000 đồng.
- + Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 1.598.098.000.000 đồng, gồm:
 - Chi sự nghiệp môi trường: 6.961.000.000 đồng.
 - Chi dịch vụ vệ sinh môi trường: 1.591.137.000.000 đồng.

2. Lũy kế giải ngân đến hết quý 1 năm 2024 là 373.770.438.692 đồng, đạt 21,30% so dự toán được giao, gồm:

- + Chi quản lý hành chính: 8.901.382.922 đồng, đạt 12,82%.
- + Chi dịch vụ vệ sinh môi trường: 364.869.055.770 đồng, đạt 22,83%.

